

CÔNG TY CỔ PHẦN F9

620 Lê Duẩn – Eatam – Buôn Ma Thuật – Đắk Lắk

f9jsc.vn@gmail.com

02623.880.668



BỘ TIÊU CHUẨN VF GAP
(Áp dụng cho nhà sản xuất)

Đắk Lắk, tháng 9 năm 2019

VF GAP

Nông dân được mùa mất giá, được giá mất mùa, sản phẩm làm ra lúc thừa lúc thiếu. Chất lượng từ khâu sản xuất bảo quản đến khâu chế biến vẫn chưa thể hợp nhất bằng quy trình và tiêu chí cụ thể. Nông nghiệp Việt Nam không có gì để cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới ngoài trừ số lượng.

Bất chấp nguy hiểm vì cuộc sống mưu sinh, miếng cơm manh áo người nông dân nghèo khổ vẫn trực tiếp hoặc gián tiếp làm ra sản phẩm độc hại tàn sát chính mình và cả dân tộc mình. Vì đố kỵ họ sẵn sàng phá hoại của nhau gây mất đoàn kết, mất niềm tin mất đi tình làng nghĩa xóm.

Vì thiếu kiến thức trong sản xuất nông nghiệp mọi người sẵn sàng sử dụng hóa chất độc hại không kiểm soát, người tiêu dùng không biết đặt niềm tin vào đâu, mua sản phẩm nào cho an toàn ngoài việc phải chấp nhận hên xui may mắn.

Sự thật đau lòng trên VF GAP ra đời Góp phần xây dựng cuộc sống tốt hơn thông qua việc tái đào tạo và cung ứng giải pháp kiểm soát và truy xuất nguồn gốc nông nghiệp, phát triển hướng đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Quy trình VF GAP được cấp chứng nhận bởi **TRUNG TÂM MÃ SỐ MÃ VẠCH QUỐC GIA** cơ quan quản lý trực tiếp Đề án 100 (Đề án truy xuất nguồn gốc Quốc gia).

VF GAP là quy trình kiểm soát được phân quyền độc lập từ khâu trồng đến các khâu giám sát, xét nghiệm và nhà máy chế biến đóng gói. Giảm thiểu tối đa việc thói quen canh tác bằng hóa học gây ảnh hưởng trực tiếp đến đất, nước và môi trường sống, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh thái gây ô nhiễm môi trường và khí hậu . Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động, mang đến người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng an toàn thông qua các khâu giám sát và giám định xét nghiệm, đem đến niềm tin cho người tiêu dùng toàn cầu.

* Giới thiệu

Tài liệu này tập hợp các Thực hành Nông nghiệp Tốt GAP, chỉ ra cách quản lý trang trại tốt và các phương pháp thực hiện theo các chủ đề sau :

- Văn hóa sản xuất
- Quản lý nông trại
- Quản lý nhân lực
- Quản lý sản xuất
- Quản lý thiết bị, công nghệ

Tài liệu này liệt kê các điểm kiểm soát quan trọng trong suốt quá trình sản xuất nông sản từ nhà sản xuất đến nhà máy chế biến và kiểm định sản phẩm. Đối với mỗi đơn vị trong chuỗi truy xuất nguồn gốc có các điểm kiểm soát khác nhau với mục đích chung tạo ra sản phẩm sạch, an toàn và tạo lòng tin với người tiêu dùng. Các điểm kiểm soát này được xây dựng dựa trên bộ tiêu chuẩn Global nhằm đảm bảo tính khả thi và dễ thực hiện nhất đối với nhà sản xuất. Bằng cách thực hiện quản lý trang trại tuân thủ các điểm kiểm soát của VF GAP nhà sản xuất sẽ tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn và tạo được lòng tin với người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

VF GAP là một phương pháp quản lý quy trình sản xuất nông nghiệp mà nhà sản xuất có thể tự nguyện thực hiện. Nó cho phép các nhà sản xuất thiết lập một hệ thống quản lý hoạt động mà họ có thể liên tục cải thiện quản lý trang trại của họ thông qua tự đánh giá. Đó là một cách tiếp cận khoa học để cải thiện an toàn thực phẩm, và các nhà sản xuất có thể thực hiện nó như là một chương trình kiểm soát chất lượng. VF GAP cũng thiết lập một hoạt động nông nghiệp bền vững dựa trên bảo tồn môi trường, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học. Nó cũng góp phần nâng cao năng suất thông qua quản lý trang trại phù hợp và hiệu quả.

*** Nội dung tài liệu**

A. VĂN HÓA SẢN XUẤT

B. QUẢN LÝ NÔNG TRẠI

B 1 Giống và gốc ghép

B 2 Quản lý đất

B 3 Phân Bón

B 4 Thuốc bảo vệ thực vật

B 5 Quản lý dịch hại tổng hợp

B 6 Trước thu hoạch

B 7 Sau thu hoạch

B 8 Bảo tồn hệ sinh thái

B 9 Quản lý chất thải, chất gây ô nhiễm

C. QUẢN LÝ NHÂN LỰC

C 1 Hồ sơ, tự đánh giá

C 2 Sức khỏe, an toàn người lao động

D. QUẢN LÝ SẢN XUẤT

D 1 Sản phẩm

D 2 Kiểm định

D 3 Vận chuyển

D 4 Nhà máy chế biến

E. QUẢN LÝ THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

E 1 Thiết bị

E2 Công nghệ thông tin

*** Hướng dẫn sử dụng tài liệu**

Có hai cách để sử dụng tài liệu này. Đầu tiên là sử dụng nó làm tài liệu tham khảo cho một nhà sản xuất nông nghiệp hoặc hợp tác xã để cải thiện việc quản lý trang trại hoặc hợp tác xã. Tài liệu này sẽ đóng góp vào việc quản lý trang trại / nhóm tốt và hiệu quả.

Cách thứ hai là thiết lập lòng tin nơi người tiêu dùng trong nước và các nhà xuất nhập khẩu thông qua xác minh của bên thứ ba (kiểm định và giám sát) để chứng minh rằng nhà sản xuất / hợp tác xã cung cấp các sản phẩm sạch, an toàn và có thể truy xuất nguồn gốc. Ứng dụng VF GAP được công nhận là một dấu hiệu của sự tín nhiệm nông nghiệp trong chuỗi cung ứng nông nghiệp.

STT	KÝ HIỆU	ĐIỂM KIỂM SOÁT	MỨC BẮT BUỘC	CÓ	KHÔNG	DIỄN GIẢI
	A	VĂN HÓA SẢN XUẤT				
1	A 1	Vợ chồng có thường xuyên cãi vã và gây mất trật tự hay không ? - Đánh chửi nhau - Nói tục chửi thề - Ngoại tình gây tan vỡ hạnh phúc gia đình	Chính yếu			
2	A 2	Con cái có lễ phép, hiếu thảo với ông bà cha mẹ hay không ? - Biết khoanh tay thừa gửi đối với ông bà, cha mẹ - Biết lễ phép với người lớn tuổi - Biết hiếu thảo với cha mẹ	Chính yếu			
3	A 3	Hàng xóm có đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ nhau hay không ? - Giữ gìn vệ sinh chung đường làng, ngõ xóm - Không trộm cắp, phá hoại của nhau - Đoàn kết, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn - Trao đổi, giao lưu kinh nghiệm, kỹ thuật	Chính yếu			
4	A 4	Khi xảy ra tranh chấp, xung đột có thông qua chính quyền để giải quyết hay không ? - Thông qua pháp luật để giải quyết tranh chấp - Thông qua khối xóm để giải quyết bất hòa	Chính yếu			
5	A 5	Có thường xuyên dùng rượu bia và các chất kích thích không ? - Không sử dụng, tàng trữ ma túy và các chất gây nghiện khác - Hạn chế dùng rượu bia ảnh hưởng tới sức khỏe	Chính yếu			
	B	QUẢN LÝ NÔNG TRẠI				
	B 1	GIỐNG VÀ GỐC GHÉP				
6	B 1.1	Giống và gốc ghép có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất	Chính yếu			

7	B 1.2	Giống và gốc ghép tự sản xuất phải có hồ sơ ghi lại đầy đủ : - Xử lý hạt giống - Xử lý cây con - Hoát chất sử dụng - Thời gian - Tên người xử lý - Mục đích xử lý	Chính yếu			
	B 2	QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN ĐẤT				
		<i>Chăm sóc đất tốt đảm bảo độ màu mỡ lâu dài của đất, tăng năng suất và tạo thêm lợi nhuận. Không áp dụng cho các trường hợp cây không được trồng trực tiếp trên đất (ví dụ: cây thủy canh hoặc cây trồng trong chậu).</i>				
8	B 2.1	Nhà sản xuất có kế hoạch quản lý đất không?	Thứ yếu			
9	B 2.2	Nông trại có bản đồ đất không?	Thứ yếu			
10	B 2.3	Nhà sản xuất có cân nhắc sử dụng phân bón hữu cơ để cải thiện dinh dưỡng không?	Thứ yếu			
	B 3	PHÂN BÓN				
		<i>Quy trình ra quyết định về phân bón cần cân nhắc nhu cầu của cây trồng. Cần phải có dinh dưỡng cung cấp cho cây trồng trong các giá thể sinh trưởng hoặc đất và do đó, luôn cần phải có phân bón. Sử dụng phân bón phù hợp để tối ưu hóa việc sử dụng và phải tuân thủ quy trình bảo quản nhằm tránh thất thoát và nhiễm bẩn.</i>				
	B 3.1	Sử dụng phân bón				
		3.1.1 đến 2.1.6: Khi sử dụng tất cả phân bón đất và phân bón lá, cả vô cơ và hữu cơ đơn vị sản xuất có nhập dữ liệu vào phần mềm VFGAP bao gồm các tiêu chuẩn sau không?				
11	B 3.1.1	Việc nhập dữ liệu có được tiến hành ngay sau khi sử dụng hay không ?	Chính yếu			
12	B 3.1.2	Thông tin tham chiếu của lô sản xuất, sản phẩm có chính xác hay không ?	Chính yếu			
13	B 3.1.3	Nội dung nhập liệu có đầy đủ thông tin theo các mục trong phần mềm hay không ?	Chính yếu			
14	B 3.1.4	Thông tin nhập liệu có chính xác hay không ?	Chính yếu			
15	B 3.1.5	Đơn vị sản xuất có lưu giữ bao bì các sản phẩm sử dụng để phục vụ cho mục đích giám sát hay không ?	Chính yếu			
	B 3.2	Cắt trừ phân bón				
		3.2.1 đến 3.2.6: Tất cả phân bón được cắt trừ có:				

16	B 3.2.1	Được để tách biệt với các thuốc bảo vệ thực vật không?	Thứ yếu			
17	B 3.2.2	Trong khu vực có che chắn không?	Thứ yếu			
18	B 3.2.3	Trong khu vực sạch sẽ không?	Thứ yếu			
19	B 3.2.4	Trong khu vực khô ráo không?	Thứ yếu			
20	B 3.2.5	Theo đúng cách, làm giảm rủi ro gây ô nhiễm nguồn nước không?	Thứ yếu			
21	B 3.2.6	Tách biệt với các sản phẩm đã thu hoạch không?	Chính yếu			
	B 3.3	Phân bón hữu cơ				
22	B 3.3.1	Nhà sản xuất có phòng ngừa việc sử dụng chất thải từ con người trong nông trại không?	Chính yếu			
23	B 3.3.2	Các đánh giá rủi ro về nguồn gốc, tính chất và mục đích sử dụng của các loại phân hữu cơ có được thực hiện trước khi sử dụng hay không?	Thứ yếu			
24	B 3.3.3	Phân bón hữu cơ có được cất trữ phù hợp, làm giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm cho môi trường không?	Thứ yếu			
	B 4	THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT				
		<i>Trong trường hợp dịch hại tấn công có hại cho giá trị kinh tế của cây trồng, có thể cần can thiệp bằng các phương pháp kiểm soát dịch hại đặc hiệu, bao gồm cả thuốc bảo vệ thực vật (PPP). Sử dụng, bảo quản và cất trữ đúng thuốc bảo vệ thực vật là cần thiết</i>				
	B 4.1	Lựa chọn thuốc bảo vệ thực vật				
25	B 4.1.1	Có danh mục hiện hành của tất cả thuốc bảo vệ thực vật đang dùng và được cho phép sử dụng trên các cây đang trồng tại nước sở tại không?	Thứ yếu			
26	B 4.1.2	Các nhà sản xuất có chỉ dùng các thuốc bảo vệ thực vật được đăng ký tại quốc gia sử dụng cho đúng cây trồng mục tiêu (tức là tại những nơi có các qui định đăng ký chính thức đó) không?	Chính yếu			
27	B 4.1.3	Thuốc bảo vệ thực vật có được sử dụng đúng mục đích như đã khuyến cáo trên nhãn bao bì sản phẩm hay không?	Chính yếu			
28	B 4.1.4	Hóa đơn của thuốc bảo vệ thực vật đã được đăng ký có được lưu giữ hay không?	Thứ yếu			
	B 4.2	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật				
		4.2.1 đến 4.2.6: Khi sử dụng thuốc BVTV đơn vị sản xuất có nhập dữ liệu vào phần mềm VFGAP bao gồm các tiêu chuẩn sau không?	Chính yếu			
29	B 4.2.1	Việc nhập dữ liệu có được tiến hành ngay sau khi sử dụng hay không ?	Chính yếu			
30	B 4.2.2	Thông tin tham chiếu của lô sản xuất, sản phẩm có chính xác hay không ?	Chính yếu			

31	B 4.2.3	Nội dung nhập liệu có đầy đủ thông tin theo các mục trong phần mềm hay không ?	Chính yếu			
32	B 4.2.4	Thông tin nhập liệu có chính xác hay không ?	Chính yếu			
33	B 4.2.5	Đơn vị sản xuất có lưu giữ bao bì các sản phẩm sử dụng để phục vụ cho mục đích giám sát hay không ?	Chính yếu			
34	B 4.2.6	Nhà sản xuất có thực hiện các biện pháp tích cực để ngăn chặn thuốc trừ sâu trôi dạt sang các khu đất lân cận không?	Thứ yếu			
35	B 4.2.7	Nhà sản xuất có thực hiện các biện pháp tích cực để ngăn ngừa thuốc trừ sâu các khu vực lân cận trôi dạt sang không?	Khuyến cáo			
	B 4.3	Khoảng thời gian cách ly trước khi thu hoạch				
36	B 4.3.1	Thời gian cách ly trước khi thu hoạch đã đăng ký có được tuân thủ không?	Chính yếu			
	B 4.4	Xử lý lượng thuốc bảo vệ thực vật dư thừa				
37	B 4.4.1	Lượng thuốc bảo vệ thực vật dư thừa hoặc sau khi rửa thùng có được xử lý theo cách không gây ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm và môi trường không?	Thứ yếu			
	B 4.5	Cất trữ thuốc bảo vệ thực vật				
		<i>Việc lưu trữ thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ theo những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo việc lưu trữ và sử dụng được an toàn.</i>				
38	B 4.5.1	Thuốc bảo vệ thực vật có được cất trữ phù hợp với những quy định của địa phương, tại một nơi an toàn với đầy đủ phương tiện để đo lường và pha trộn không, có được giữ trong bao bì nguyên gốc không?	Chính yếu			
	B 4.6	Xử lý thuốc bảo vệ thực vật (Không áp dụng nếu không xử lý thuốc bảo vệ thực vật)				
39	B 4.6.1	Có những thủ tục liên quan đến thời gian quay lại vườn sau khi phun thuốc hay không?	Chính yếu			
40	B 4.6.2	Khi pha trộn thuốc bảo vệ thực vật, các quy trình chiết rót và xử lý chính xác như quy định trên nhãn có được tuân thủ theo không?	Thứ yếu			
	B 5	QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP				

		<i>Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM) gắn liền với việc xem xét cẩn thận tất cả các kỹ thuật kiểm soát dịch hại hiện có và việc kết hợp các biện pháp thích hợp sau đó nhằm ngăn cản sự phát triển của dịch hại, và giữ các thuốc bảo vệ thực vật và các biện pháp can thiệp khác ở mức tiết kiệm hợp lý và giảm thiểu rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường. Hộp công cụ IPM (Phụ lục CB 2) đã được xây dựng để cung cấp các hoạt động thay thế cho việc ứng dụng các kỹ thuật IPM trong sản xuất thương mại các loại cây trồng nông nghiệp và cây trồng trong vườn. Do sự biến đổi tự nhiên về phát triển sâu bệnh đối với các loại cây trồng và khu vực khác nhau, bất kỳ hệ thống IPM nào cũng phải được thực hiện trong các điều kiện vật lý (khí hậu, địa hình, vv...), sinh học (các nhóm dịch hại, các nhóm thiên địch, vv...) và các điều kiện về kinh tế của địa phương.</i>				
41	B 5.1	Việc thực hiện hệ thống IPM có nhận được hỗ trợ thông qua các khóa đào tạo hoặc tư vấn hay không?	Thứ yếu			
		3.2 đến 3.4: Nhà sản xuất có thể đưa ra những bằng chứng về việc thực hiện ít nhất một hoạt động nằm trong những lĩnh vực sau không?				
42	B 5.2	"Phòng ngừa"?	Chính yếu			
43	B 5.3	"Quan sát và giám sát"?	Chính yếu			
44	B 5.4	"Can thiệp"?	Chính yếu			
	B 6	TRƯỚC THU HOẠCH				
	B 6.1	Nguyên tắc vệ sinh				
45	B 6.1.1	Có các quy trình và hướng dẫn bằng văn bản về vệ sinh cho quá trình thu hoạch và sau thu hoạch, bao gồm xử lý sản phẩm (và khi các quy trình này diễn ra trực tiếp trên ruộng, trong vườn cây hoặc nhà kính) được thiết kế để ngăn ngừa nhiễm bẩn cho cây trồng, khu vực thu hoạch cây trồng, bề mặt tiếp xúc với thực phẩm và sản phẩm đã được thu hoạch?	Chính yếu			
46	B 6.1.2	Các quy trình và hướng dẫn về vệ sinh các hoạt động thu hoạch và sau thu hoạch, bao gồm hoạt động xử lý sản phẩm, có được thực hiện không?	Chính yếu			
47	B 6.1.3	Công nhân có được hướng dẫn cụ thể về vệ sinh trước khi thu hoạch và xử lý sản phẩm không?	Chính yếu			
48	B 6.1.4	Có biển báo được trình bày rõ ràng về các hướng dẫn vệ sinh quan trọng cho nhân công và khách tham quan, bao gồm ít nhất hướng dẫn nhân công rửa tay trước khi trở lại làm việc không?	Chính yếu			

49	B 6.1.5	Việc hút thuốc, ăn, nhai và uống có bị giới hạn trong các khu vực quy định, tách biệt khỏi sản phẩm và khu vực trồng hay không?	Chính yếu			
	B 6.2	Khu vực đóng gói và cất trữ (Không áp dụng khi không đóng gói và/hoặc cất trữ sản phẩm)				
50	B 6.2.1	Sản phẩm được thu hoạch có được bảo vệ khỏi bị nhiễm bẩn không?	Chính yếu			
51	B 6.2.2	Các điểm thu gom/lưu trữ/phân phối sản phẩm đã đóng gói hoặc trên ruộng có được duy trì trong điều kiện sạch sẽ và vệ sinh không?	Chính yếu			
52	B 6.2.3	Vật liệu đóng gói có phù hợp để sử dụng và có được sử dụng và cất trữ trong điều kiện sạch sẽ và vệ sinh để tránh trở thành nguồn gây nhiễm bẩn không?	Chính yếu			
53	B 6.2.4	Những mảnh vật liệu đóng gói và những chất thải khác có được dọn khỏi ruộng không?	Thứ yếu			
54	B 6.2.5	Những chất tẩy rửa, bôi trơn... có thể tiếp xúc với sản phẩm, có được cho phép sử dụng trong ngành thực phẩm không? Những hướng dẫn ghi trên nhãn mác có được tuân thủ chính xác không?	Thứ yếu			
55	B 6.2.6	Có không đưa những sản phẩm bị loại hoặc nhiễm bẩn vào trong chuỗi cung ứng không và chất thải có được kiểm soát hiệu quả để không gây nguy cơ nhiễm bẩn không?	Chính yếu			
56	B 6.2.7	Các đèn an toàn hoặc các đèn có nắp chụp bảo vệ có được sử dụng ở phía trên khu vực phân loại, cân đo và cất trữ hay không?	Chính yếu			
57	B 6.2.8	Có quy định xử lý bằng văn bản đối với các chất liệu là kính và nhựa cứng trong không?	Thứ yếu			
	B 7	XỬ LÝ SAU THU HOẠCH				
58	B 7.1	Tất cả những nhãn hướng dẫn có được tuân thủ theo không?	Chính yếu			
59	B 7.2	Các chế phẩm sinh học, sáp và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để bảo vệ sau thu hoạch cho các cây trồng đã thu hoạch có được đăng ký chính thức ở nước sở tại hay không?	Chính yếu			
60	B 7.3	Có danh sách được cập nhật về các loại thuốc bảo vệ thực vật cho cây trồng sau thu hoạch đã sử dụng, và được cho phép sử dụng, với các cây trồng đang được canh tác hay không?	Thứ yếu			
61	B 7.4	Các chế phẩm sinh học, sáp và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để xử lý sau thu hoạch có được cất trữ tách biệt khỏi sản phẩm và các vật liệu khác không?	Chính yếu			

62	B 7.5	Tất cả hồ sơ về công tác xử lý sau thu hoạch có được lưu giữ và bao gồm các tiêu chí tối thiểu sau không? - Nhận diện cây trồng đã thu hoạch (ví dụ: lô hoặc lúa sản phẩm); - Địa điểm sử dụng - Ngày sử dụng - Hình thức xử lý - Tên thương mại của sản phẩm và các thành phần hoạt tính - Số lượng sản phẩm	Chính yếu			
		Tất cả các hồ sơ xử lý sau thu hoạch có được lưu giữ và có bao gồm các tiêu chí sau đây không?				
63	B 7.6	Tên người thao tác?	Thứ yếu			
64	B 7.7	Lý do sử dụng?-	Thứ yếu			
65	B 7.8	Tất cả những lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sau thu hoạch có được cân nhắc theo các điểm trong mục FA 4.1 ?	Chính yếu			
	B 8	QUẢN LÝ, TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG CHẤT THẢI, CHẤT GÂY Ô NHIỄM				
66	B 8.1	Nông trại có được giữ trong điều kiện gọn gàng và ngăn nắp không?	Chính yếu			
67	B 8.2	Nếu không có nguy cơ lây truyền dịch hại, bệnh và cỏ dại, các chất thải hữu cơ có được ủ và sử dụng để điều hòa đất không?	Thứ yếu			
68	B 8.3	Nước có được sử dụng để rửa và làm sạch những vật/loài bị loại bỏ khỏi nông trại để đảm bảo rằng có ít tác động đến môi trường, rủi ro về sức khỏe và an toàn nhất không?	Thứ yếu			
	B 9	BẢO TỒN HỆ SINH THÁI				
69	B 9.1	Nhà sản xuất có quan tâm đến cách thức nâng cao điều kiện môi trường nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và quần thể động thực vật hay không?	Chính yếu			
70	B 9.2	Chính sách này có tương thích với hoạt động sản xuất nông nghiệp thương mại bền vững và có giảm thiểu tác động của hoạt động nông nghiệp đối với môi trường hay không?	Chính yếu			
71	B 9.3	Mỗi nhà sản xuất có lập kế hoạch quản lý động vật hoang dã và kế hoạch bảo tồn cho hoạt động sản xuất của nông trại, trong đó cho thấy nhà sản xuất đã nhận thức được tác động của hoạt động nuôi trồng đối với môi trường hay không?	Chính yếu			
	C	QUẢN LÝ NHÂN LỰC				
	C.1	LƯU GIỮ HỒ SƠ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ				

		<i>Mọi chi tiết quan trọng của những hoạt động sản xuất tại nông trại phải có hồ sơ ghi chép và hồ sơ đó phải được lưu trữ.</i>				
72	C 1.1	Tất cả các hồ sơ mua bán sản phẩm, phân bón, thuốc BVTV và trang thiết bị có được lưu trữ phục vụ cho mục đích giám sát hay không? Thời gian lưu trữ tối thiểu có được là 1 năm hay không?	Chính yếu			
73	C 1.2	Nhà sản xuất có chịu trách nhiệm thực hiện ít nhất một lần tự đánh giá nội bộ mỗi năm theo tiêu chuẩn VF GAP không?	Chính yếu			
74	C 1.3	Có thực hiện các hành động khắc phục hữu hiệu đối với những điểm chưa phù hợp đã được phát hiện trong quá trình tự đánh giá nội bộ hoặc quá trình tự kiểm tra trong tổ hợp sản xuất không?	Chính yếu			
	C 2	SỨC KHOẺ, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG				
	C 2.1	Sức khỏe và sự an toàn				
75	C 2.1.1	Tất cả người lao động có được đào tạo về sức khỏe và sự an toàn theo đánh giá rủi ro không ?	Thứ yếu			
	C 2.2	Đào tạo				
76	C 2.2.1	Có hồ sơ lưu trữ về các hoạt động đào tạo và những người tham gia khóa đào tạo không?	Thứ yếu			
	C 2.3	Mối nguy hiểm và Sơ cứu				
77	C 2.3.1	Có thiết lập các quy trình liên quan đến tai nạn trường hợp khẩn không? Và quy trình này được trình bày dễ nhìn không, có được thông báo với tất cả những người liên quan đến hoạt động sản xuất của nông trại, bao gồm cả nhà thầu phụ và khách tham quan không?	Chính yếu			
	C 2.4	Phúc lợi của người lao động				
78	C 2.4.1	Người lao động có được sử dụng các khu vực bảo quản thực phẩm sạch sẽ, khu nghỉ ngơi được chỉ định, có các trang thiết bị để rửa tay và nước uống hay không?	Chính yếu			
79	C 2.4.2	Có nơi nghỉ ngơi, sinh hoạt cho công nhân ngay tại nông trại không, và khu vực này có điều kiện cơ sở vật chất và dịch vụ cơ bản không?	Chính yếu			
	D	QUẢN LÝ SẢN XUẤT				
	D 1	SẢN PHẨM				
		<i>Tất cả các sản phẩm trước khi xuất khỏi đơn vị sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình VFGAP.</i>				

	D 1.1	Truy xuất sản phẩm				
80	D 1.1.1	Nhà sản xuất có các biện pháp truy xuất, thu hồi sản phẩm lỗi hay không ?	Chính yếu			
	D 1.2	Kiểm soát và cấp mã QR				
81	D 1.2.1	Nhà sản xuất có tuân thủ các quy trình dán tem QR đã được hướng dẫn hay không ?	Chính yếu			
82	D 1.2.2	Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin tem QR sản phẩm hay không ?	Chính yếu			
	D 1.3	Kiểm soát sản phẩm không phù hợp				
83	D 1.3.1	Các sản phẩm không phù hợp về chất lượng sau khi kiểm định có được tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân hay không ?	Chính yếu			
84	D 1.3.2	Có phương án xử lý với các sản phẩm không phù hợp hay không ?	Chính yếu			
	D 2	KIỂM ĐỊNH				
	D 2.1	Thời gian lấy mẫu kiểm định				
85	D 2.1.1	Đơn vị sản xuất có tuân thủ thời gian lấy mẫu kiểm định của các sản phẩm hay không ?	Chính yếu			
	D 2.2	Tiêu chuẩn kiểm định				
86	D 2.2.1	Kết quả kiểm định của sản phẩm có đạt các tiêu chuẩn về dư lượng BVTV theo quy định của nhà nước, của Bộ Y Tế hay không ?	Chính yếu			
87	D 2.2.2	Đối với các sản phẩm xuất khẩu kết quả kiểm định có đạt tiêu chuẩn quy định của thị trường mục tiêu hay không ?	Chính yếu			
	D 3	VẬN CHUYỂN				
88	D 3.1	Đơn vị vận chuyển có những khả năng cần thiết như : - Tuân thủ quy định về giao thông - Có đủ điều kiện để vận chuyển hàng hóa an toàn. - Có được tập huấn Sử dụng mã số mã vạch trong vận chuyển, logistic không ?	Chính yếu			
89	D 3.2	Đơn vị vận chuyển có tem niêm phong, người giám sát hay không ?	Chính yếu			
90	D 3.3	Đơn vị vận chuyển có phương pháp bảo quản sản phẩm phù hợp không ?	Chính yếu			
91	D 3.4	Đơn vị vận chuyển có phương pháp xử lý khi xảy ra sự cố ngoài ý muốn không ?	Chính yếu			
	D 4	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN				
92	D 4.1	Nhà máy có đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm hay không ?	Chính yếu			
93	D 4.2	Nhà máy có biện pháp kiểm soát chất lượng trước và sau chế biến, đóng gói không ?	Chính yếu			
94	D 4.3	Nhà máy có tuân thủ các quy trình dán tem QR đã được hướng dẫn hay không ?	Chính yếu			
95	D 4.4	Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin tem QR sản phẩm hay không ?	Chính yếu			

96	D 4.5	Có được tập huấn và hướng dẫn Sử dụng mã số mã vạch tại quản lý kho, bãi không ?				
	E	QUẢN LÝ THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
	E 1	THIẾT BỊ				
97	E 1.1	Những thiết bị nhạy cảm với an toàn thực phẩm (ví dụ, máy phun thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị tưới nước/bón phân, thiết bị xử lý sản phẩm sau thu hoạch) có được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ kiểm tra và, nếu áp dụng, được hiệu chỉnh ít nhất là hàng năm không, và có hồ sơ đo lường được lưu lại trong vòng 12 tháng gần nhất không?	Thứ yếu			
98	E 1.2	Những thiết bị nhạy cảm với môi trường và những thiết bị khác sử dụng trong các hoạt động của nông trại (ví dụ, thiết bị rải bón phân, thiết bị sử dụng để kiểm soát nhiệt độ và trọng lượng) có được thường xuyên kiểm tra và, nếu áp dụng, được hiệu chỉnh ít nhất là hàng năm không?	Thứ yếu			
99	E 1.3	Thiết bị thuốc bảo vệ thực vật có được cất trữ sao cho ngăn ngừa nhiễm bẩn lên sản phẩm không?	Thứ yếu			
	E 2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
100	E 2.1	- Có được chuyên gia tập huấn, hướng dẫn sử dụng công nghệ hay không ? - Có được cung cấp số điện thoại đường dây nóng để xử lý sự cố khi xảy ra lỗi hay không ?	Thứ yếu			
101	E 2.2	Khi xảy ra lỗi, sự cố có liên lạc đến các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ để được hướng dẫn hoặc hỗ trợ xử lý hay không ?	Chính yếu			